

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25- 9 - 2024
“V/v chia tài sản sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban, bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:
Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST- HNGĐ ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H và ông Nguyễn Duy T đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 272/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar nhưng chưa chia tài sản khi ly hôn. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất số 425 (cũ 119), tờ bản đồ số 13 (cũ 5), diện tích 3234,4m², đất

trồng cây lâu năm tại thôn 13, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 788040 ngày 03/12/2020 cho ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị H.

Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 46m², mái lợp tôn, nền láng xi măng xây dựng năm 2014.

Bà H yêu cầu Tòa án chia cho bà H được hưởng ½ tài sản chung của vợ chồng và có nguyện vọng được chia căn nhà cho ông T sinh sống. Còn những tài sản khác bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày: Bà H và ông Nguyễn Duy T đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn và công nhận sự thảo thuận của các đương sự số 272/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar nhưng chưa chia tài sản khi ly hôn

Trong quá trình chung sống, ông T và bà H có tạo lập được khối tài sản chung như bà Tuyên đã trình bày là:

- Thừa đất số 425 (cũ 119), tờ bản đồ số 13 (cũ 5), diện tích 3234,4m², đất trồng cây lâu năm tại thôn 13, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 788040 ngày 03/12/2020 cho ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị H.

- Trên đất có các tài sản sau: Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 46m², mái lợp tôn, nền láng xi măng xây dựng năm 2014.

Ngoài ra còn một số tài sản khác, tuy nhiên ông T không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của bà H, vì ông T có nguyện vọng để tài sản chung của vợ chồng cho con.

- Về nợ chung: Không có nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

* Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu tài sản gồm:

Diện tích 1987,2m² là một phần của thửa đất số 425 (cũ 119), tờ bản đồ số 13 (cũ 5), diện tích 3234,4m², đất trồng cây lâu năm tại thôn 13, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 788040 ngày 03/12/2020 cho ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị H. Tổng giá trị tài sản là 238.464.000 đồng.

* Chia cho ông Nguyễn Duy T được sở hữu những tài sản gồm:

Diện tích 1247,2m² là một phần của thửa đất số 425 (cũ 119), tờ bản đồ số 13 (cũ 5), diện tích 3234,4m², đất trồng cây lâu năm tại thôn 13, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 788040 ngày 03/12/2020 cho ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị H. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 46m², mái lợp tôn, nền láng xi măng xây dựng năm 2014. Tổng giá trị tài sản là 146.832.000 đồng.

Do bà H được chia phần tài sản có giá trị hơn ông Nguyễn Duy T là 91.632.000 đồng. Vì vậy, bà H có trách nhiệm trả cho ông T giá trị tài sản được chia chênh lệch là 45.816.000 đồng.

* *Về nợ chung*: Không có nên bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Nguyễn Duy T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, đây là tranh chấp về “ Chia tài sản sau khi ly hôn” Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện EaKar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

* Về tài sản chung: Các đương sự đều thừa nhận tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như biên bản thẩm định và định giá tài sản gồm:

Thửa đất số 425 (cũ 119), tờ bản đồ số 13 (cũ 5), diện tích 3234,4m², đất trồng cây lâu năm tại thôn 13, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 788040 ngày 03/12/2020 cho ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị H. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 46m², mái lợp tôn, nền láng xi măng xây dựng năm 2014.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của bà H và ông T là 385.296.000 đồng. Do công sức đóng góp ngang nhau nên bà H và ông T mỗi người được chia ½ giá trị tài sản trên là 192.648.000 đồng. Xét yêu cầu, nguyện vọng của các đương sự. Để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự, HĐXX chia tài sản chung của bà H và ông T như sau:

1. Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu tài sản gồm:

Diện tích 1987,2m² là một phần của thửa đất số 425 (cũ 119), tờ bản đồ số 13 (cũ 5), diện tích 3234,4m², đất trồng cây lâu năm tại thôn 13, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 788040 ngày 03/12/2020 cho ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị H. Diện tích đất có tứ cận như sau: Phía Đông có chiều dài 30m + 29,16m (từ điểm 1 + 2 + 3); phía Tây có chiều dài 5m + 34,91m (từ điểm 7 + 8 + 9); phía Nam có chiều dài 35,75m (từ điểm 3 + 7); phía Bắc có chiều dài 44,20m (từ điểm 1 + 9). Tổng giá trị tài sản là 238.464.000 đồng.

2. Chia cho ông Nguyễn Duy T được sở hữu những tài sản gồm:

Diện tích 1247,2m² là một phần của thửa đất số 425 (cũ 119), tờ bản đồ số 13 (cũ 5), diện tích 3234,4m², đất trồng cây lâu năm tại thôn 13, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 788040 ngày 03/12/2020 cho ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị H. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 46m², mái lợp tôn, nền lằng xi măng xây dựng năm 2014. Diện tích đất có tứ cận như sau: Phía Đông có chiều dài 40,64m (từ điểm 3 + 4); phía Tây có chiều dài 4,8m + 33,92m (từ điểm 5 + 6 + 7); phía Nam có chiều dài 25,47m (từ điểm 4 + 5); phía Bắc có chiều dài 35,75m (từ điểm 3 + 7). Tổng giá trị tài sản là 146.832.000 đồng.

Do bà H được chia phần tài sản có giá trị lớn hơn ông Nguyễn Duy T là 91.632.000 đồng. Vì vậy, bà H có trách nhiệm trả cho ông T giá trị tài sản được chia chênh lệch là 45.816.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà H đã nộp chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc (đo bằng máy) và định giá tài sản là 15.000.000 đồng, đã chi hết 13.200.000 đồng, còn lại 1.800.000 đồng đã trả lại cho bà H. Do yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T phải trả cho bà H ½ chi phí tố tụng trên là 6.600.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy T mỗi người phải chịu 9.632.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung (*theo mức tính 192.648.000 đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 213 Bộ luật Dân sự; Điều 33, 38, 59 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

*** Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu tài sản gồm:**

Diện tích 1987,2m² là một phần của thửa đất số 425 (cũ 119), tờ bản đồ số 13 (cũ 5), diện tích 3234,4m², đất trồng cây lâu năm tại thôn 13, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 788040 ngày 03/12/2020 cho ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị H. Diện tích đất có tứ cận như sau: Phía Đông có chiều dài 30m + 29,16m (từ điểm 1 + 2 + 3); phía Tây có chiều dài 5m + 34,91m (từ điểm 7 + 8 + 9); phía Nam có chiều dài 35,75m (từ điểm 3 + 7); phía Bắc có chiều dài 44,20m (từ điểm 1 + 9).

(Kích thước, vị trí, số đo diện tích đất được thể hiện tại bản vẽ hiện trạng sử dụng đất của Công ty cổ phần đo đạc Duy Bình, bút lục số 40).

*** Chia cho ông Nguyễn Duy T được sở hữu những tài sản gồm:**

Diện tích 1247,2m² là một phần của thửa đất số 425 (cũ 119), tờ bản đồ số 13 (cũ 5), diện tích 3234,4m², đất trồng cây lâu năm tại thôn 13, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 788040 ngày 03/12/2020 cho ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị H. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 46m², mái lợp tôn, nền láng xi măng xây dựng năm 2014. Diện tích đất có tứ cận như sau: Phía Đông có chiều dài 40,64m (từ điểm 3 + 4); phía Tây có chiều dài 4,8m + 33,92m (từ điểm 5 + 6 + 7); phía Nam có chiều dài 25,47m (từ điểm 4 + 5); phía Bắc có chiều dài 35,75m (từ điểm 3 + 7).

(Kích thước, vị trí, số đo diện tích đất được thể hiện tại bản vẽ hiện trạng sử dụng đất của Công ty cổ phần đo đạc Duy Bình, bút lục số 40).

Bà H có trách nhiệm trả cho ông T giá trị tài sản được chia chênh lệch là 45.816.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy T được chia mỗi người là 192.648.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Ông T phải trả cho bà H số tiền chi phí tố tụng là 6.600.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.632.400 đồng, được khấu trừ vào 6.250.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0000265 ngày 01/4/2024. Bà H còn phải nộp tiếp 3.382.400 đồng tiền án phí còn lại.

Ông Nguyễn Duy T phải chịu 9.632.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân

gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- T.H.A dân sự huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường Anh